| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MAI SƠN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 13/2020/QĐST-HNGĐ | *Mai Sơn, ngày 18 tháng 02 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-VDS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 3, tổ 3, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Anh Trần Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tiểu khu 7, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn C chung sống với nhau như vợ cH từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đến năm 2018 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Bó, huyện Mai Sơn vào ngày 08/11/2018.

Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống phát sinh những xung đột về quan niệm sống, cách sống, tính cách hoàn toàn trái ngược nhau. Không đồng nhất quan điểm về kinh tế gia đình và nuôi dậy con cái. Mặc dù hai bên đã rất nhiều lần nói chuyện nhằm tìm ra cách giải quyết tuy nhiêu mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài làm mất dần tình cảm đối với nhau. Cuộc sống chung căng thẳng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tình cảm vợ cH không thể cứu vãn. Anh chị đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên

hòa giải, chị H, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H, anh C.

[2] Về con chung: Chị H, anh C có 02 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/01/2003 và cháu Trần Kiều G, sinh ngày 25/11/2004. Hai bên thống nhất chị H nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu N, cháu G đến tuổi trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị H, anh C đã tự nguyện thỏa thuận xong, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Không có.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị H nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn C nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh C có hai con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 21/01/2003 và cháu Trần Kiều G, sinh ngày 25/11/2004.

Giao cháu N, cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N, cháu G trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ cH: Chị H, anh C đã tự nguyện thỏa thuận xong, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung vợ cH: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0004159 ngày 04 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Nà Bó, Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Thu Hà**